

Мир человека В СЛОВЕ ПОЭТА

О СТИХАХ ЛЕ ВАН НЯНА*

И.А.Стернин*, В.В.Анютин*

Поэзии не бывает без мгновенного прозрения, поэта не бывает без способности к откровению. Дар откровения подтверждает право поэта на слово. Неожиданный, завидный, желанный этот дар Ле Ван Нян обнаруживает в одном из лучших своих стихотворений:

*Для жизни надо мне немного:
Глоток воды, кусочек хлеба,
Полоску голубого неба,
Вдобавок – ласковое слово.*

Столь ясное, точное и глубокое осознание смысла поэзии и судьбы поэта редкостно в современном унылом однообразном стихотворстве. Ле Ван Нян называет первоосновы поэтического мира, первоосновы самой реальности. Они просты и значительны: вода, хлеб, природная

*Ле Ван Нян. Любя Россию сердцем неумелым. Запорожье, МП «Берегиня», 1995. 48с.; Ле Ван Нян. Из дома – домой. Издательство «Художественная литература», Ханой, 1995. 254 с.

* доктор филол.наук, профессор. Воронежский государственный университет (Россия).

* кандидат филол.наук, доцент. Воронежский государственный университет (Россия).

Thế giới con người QUA NGÔN NGỮ NHÀ THƠ

VỀ THƠ CỦA LÊ VĂN NHÂN*

I.A.Xternin*, V.V.Aniutin*

Không thể có thơ nếu không có giây phút xuất thần, không thể có nhà thơ nếu thiếu đi khả năng tự bạch. Khiếu tự bạch khẳng định quyền lên tiếng của nhà thơ. Cái năng khiếu bất ngờ mà người đời ước ao, ghen tị ấy Lê Văn Nhân đã bộc lộ trong một bài thơ vào hàng xuất sắc của mình:

*Để sống được, tôi cần chút ít:
Hùm nước sông, mẩu bánh mì đen,
Một vạt trời màu xanh cao tít
Và xin thêm – lời nói dịu hiền.*

Trong cái dòng thơ đơn điệu, buồn tẻ hiện nay thì sự nhận thức rõ ràng, khúc chiết và sâu sắc về ý nghĩa thi ca và số phận con người của nhà thơ thật hiếm hoi. Lê Văn Nhân đã gọi được tên của bản thể hiện thực. Cái bản thể ấy thực đơn giản và giàu ý nghĩa: đó là hùm nước, mẩu bánh, là khoảng trời tự do và tấm lòng đôn hậu.

♦ Lê Văn Nhân. Yêu nước Nga bằng trái tim vùng đại. Thơ tiếng Nga. “Bereghinhia”, Zapôrôgie, 1985, 48 tr.

Lê Văn Nhân. Từ nhà về nhà. Thơ tiếng Nga. Nxb. Văn học. Hà Nội, 1995, 250 tr.

* GS. TSKH. ĐH Tổng hợp Quốc gia Vônônez (Nga)

* PGS. TS. ĐH Tổng hợp Quốc gia Vônônez (Nga)

свобода и сердечность души. Они перасторжимы в своем единстве. Но всё же постепенно в стихотворении прорисовывается доминанта мироощущения поэта – нравственный смысл бытия:

*Зачем вода и хлеб в излишке –
Мечтая, я нуждаюсь в небе
/Поэту небосвод целебен!/
Без ласки как печален жребий!*

Тоска по доброте, потребность в любви нарастают в душе поэта. А их утрата в мире равнозначна и обесцениванию самого мира и человеческой жизни:

*А если нет любви – не требуй
Ни хлеба, ни воды, ни неба!
Считай, что в жизни ты и не был,
Хоть много брал воды и хлеба!*

Между тем, забвение человечности, доброты, элементарной порядочности, культуры не может не восприниматься как горькая очевидность сегодняшней жизни. Это ранит сердце поэта, вызывает слова негодования, возмущения – стихотворения «**Взгляд на прошлое**», «**В лес за грибами**» и др. В такого рода стихах Ле Ван Нян иногда бывает декларативен, назидателен /сам признается – «у меня не выходят слова громогласные»/, но всегда искренен. Поэт действительно искренен в своем поэтическом слове, полностью открыт людям. При этом к людям поэт неизменно добр, а к себе беспощадно честен. А значит, он истинный поэт: полная и непрактичная искренность – необходимое условие и несомненный знак поэтического дарования; поэт сам отчетливо сознает это: «в стихах моих

Những cái đó không hề bị tiêu vong trong cái tổng thể của mình. Ấy thế nhưng cứ dần dần trong thơ hiện ra cái cốt lõi thâm quan thế giới của nhà thơ – ý nghĩa đạo lý trong cuộc tồn sinh:

*Nước với bánh cần chi dư dật,
Khi ước mơ tôi cần trời cao
(Với nhà thơ, trời là liều thuốc!)
Không yêu thương, số kiếp buồn đau!*

Nỗi buồn nhớ thiện tâm, lòng khát khao thương mến cứ lớn dần lên trong tâm hồn nhà thơ. Trên thế gian này nếu những cái đó mất đi thì có khác gì cả thế giới và đời người mất đi giá trị:

*Không có tình yêu – hãy thôi đòi hỏi
Cả bánh mì, cả nước, cả trời xanh!
Hãy cho rằng cả anh không tồn tại,
Dù bao năm trời anh uống, anh ăn!*

Tuy nhiên, việc lãng quên tình người, lòng tốt, tính kỷ cương tôi thiểu và văn hóa không thể không coi là sự thật cay đắng hiển nhiên trong cuộc sống hôm nay. Chuyện đó làm tổn thương trái tim tác giả, làm bật lên những lời bất bình, phẫn nộ, đó là những bài “**Nhìn lại quá khứ**”, “**Vào rừng hái nấm**” v.v... Trong những bài thơ loại này đôi khi Lê Văn Nhân tỏ ra trang nghiêm, mô phạm (chính anh đã thừa nhận “tôi không có những lời đao to búa lớn”), nhưng bao giờ anh cũng chân thành. Quả là nhà thơ đã chân thành trong những vần thơ, đã hoàn toàn bộc lộ lòng mình với tất cả mọi người. Những lúc đó, trước sau như một, nhà thơ tốt bụng với mọi người, còn với mình thì trung thực đến mức phũ phàng. Thế có nghĩa anh là nhà thơ thực thụ: chân thành hoàn toàn và không thực dụng – đó là điều kiện quan yếu và là dấu hiệu hiển nhiên chứng tỏ tài thơ; chính nhà

притворства нет».

Но душа поэта ищет отдохновения в современном жестоком и запутанном мире, ей очень нелегко переносить тяжесть и нелепость обстоятельств. Жизнелюбие стихов Ле Ван Няна несомненно. Однако смятенные, горестные, драматические состояния весьма нередки в его поэзии, и это обеспечивает необходимую противоречивую сложность живого человеческого чувства. Не дает покоя глубоко личное, неожиданно возникшее переживание времени. Как всегда, неуловимо прошла юность, есть обретения, есть потери, до мудрой старости еще далеко. Время жизни — неопределенное, странный возраст: *«не юный и не старый»*.

Любовь освещала жизни. В стихах Ле Ван Няна о ней – немало проникновенных, по-настоящему взволнованных строк:

*Остаётся любовь неразгаданной вновь,
Нынче мне не найти изъяснение верное:
Но... удастся понять, что такое любовь –
Навсегда я любить перестал бы,
наверное.*

Или:

*И вновь до слёз волнует тот
 знакомый взор,
Всю память встреча переворошила.
Не сплыло, значит, всё, то прежде
 было;
Сказать, что старая любовь погибла
 – вздор!*

И тем не менее история любви для Ле Ван Няна – история драматическая, глубоко печальная. Это невысказанное чувство:

thơ đã nhận rõ: “*trong thơ tôi chẳng có gì
vờ vĩnh*”.

Nhưng tâm hồn nhà thơ vẫn đi tìm cảm hứng trong cái thế giới tàn bạo, đảo điên này, thật không dễ dàng khi tâm hồn ấy phải gánh chịu những cảnh huống nặng nề, oan trái. Tình yêu cuộc sống trong thơ Lê Văn Nhân thật đã rõ. Tuy nhiên, những cảnh đời truân chuyên, đau khổ và bi đát rất thường thấy trong thơ anh, và điều đó cho thấy cái phức tạp nhất thiết có và đầy mâu thuẫn trong tình cảm sống động của con người. Nỗi vui buồn thời đại chợt hiện và hết sức riêng tư khiến nhà thơ không một phút yên lòng. Bao giờ cũng vậy, tuổi trẻ qua đi như bóng câu, có những phát hiện, những mất mát, nhưng từ đây đến tuổi già hiên triết vẫn còn xa. Thời gian cuộc đời là bất định, là lứa tuổi lạ kỳ: “*chẳng còn trẻ trai, cũng chưa già cả*”.

Tình yêu soi sáng cuộc đời. Thơ tình yêu của Lê Văn Nhân không ít những vần cảm kích, thật sự xúc động:

*Và tình yêu vẫn cứ là bí ẩn,
Tôi không sao lý giải được đôi điều;
Nhưng nếu hiểu được tình yêu tường tận,
Chắc rằng tôi mãi mãi chẳng còn yêu!*

hoặc là:

*Ánh mắt quen lại làm ta rớt lệ,
Gặp nhau rồi, ký ức lại hồi sinh.
Chuyện ngày xưa, có thể nào trôi lẹ -
Ai bảo rằng tình cũ đã quên nhanh?!*

Và chẳng tình yêu đối với Lê Văn Nhân, dù chuyện bi kịch, là nỗi buồn sâu lắng. Đó là thứ tình cảm không nói thành lời:

*Несказанный тобой ответ
Меня мучительно тревожит.*

Взаимоотношения с героиней – цепь непониманий, размолвок. И неизбежное, необратимое расставание, особенно ошешляющее, потому что «Ты ушла, весь мир оставив мне». Только что же теперь этот мир – без нее...

*И всё со мной осталось, как тогда, –
И небо, и земля в цветеньи трав.*

Герой Ле Ван Няна может подняться до благородства самоотвержения в любви:

*Не смею укорить, что ты ушла,
Кому-то Счастьем стала и Судьбой.
Любуюсь ярким солнцем без тепла,
Блестящей, как моя слеза, звездой.*

Но душа поэта вновь остается в одиночестве и ищет выход из него. В этих поисках обостряется изначально свойственное герою Ле Ван Няна органическое чувство природы. В слиянии с природой душа обретает силу. Поэт находит в природе единственный источник прекрасного. По сути дела, мир природы наполняет все стихи Ле Ван Няна. Явления природы возникают и в переживании любви, и в моменты самопознания поэта, и в стихах о тревожащих его фактах социальной действительности. Поэтическое мышление Ле Ван Няна природно, его метафора словно бы возникает из красок, линий, пространств, отсветов, звуков природного мира. Здесь его поэтическое слово обнаруживает особую сочность. Внимание к детали, зоркость поэтического взгляда в

*Câu trả lời em chẳng nói
Day dứt anh hoài khôn nguôi.*

Mối dây qua lại với nữ nhân vật kia là một chuỗi những điều không ai hiểu ai. Và rồi là cuộc chia tay tất nhiên không gì cứu vãn, đặc biệt nó làm đổ vỡ tâm hồn, bởi vì rằng: “Em ra đi, để lại cho anh cả thế gian này”. Chỉ có điều cái thế gian ấy chẳng còn em nữa...

*Tất cả vẫn cùng anh như mọi ngày thế đó,
Cả bầu trời, mặt đất cùng hoa cỏ tươi xanh.*

Nhân vật của Lê Văn Nhân có thể nâng mình lên đến tầm cao thượng, xả kỷ trong tình yêu:

*Chẳng dám trách em về chuyện em ra đi,
Với ai đó em là Duyên Đòi, em là Hạnh Phúc.
Anh đứng ngắm mặt trời vẫn sáng mà không ấm,
Ngắm sao trời lóng lánh như hạt lệ lòng anh.*

Nhưng tâm hồn nhà thơ rồi lại cô đơn và lại đi tìm lối thoát. Trong những cuộc kiếm tìm này ta lại thấy cái tình cảm thiên nhiên hòa quyện vốn là bản chất từ đầu nơi nhân vật của nhà thơ. Hòa vào thiên nhiên – tâm hồn có thêm sức mạnh. Nhà thơ tìm thấy trong thiên nhiên cội nguồn duy nhất của cái đẹp. Thực chất là thế giới tự nhiên tràn đầy trong những vần thơ của anh. Các hiện tượng thiên nhiên xuất hiện trong những trăn trở tình yêu, trong những phút giây tự vấn, và cả trong những vần thơ về các sự kiện xã hội khiến tác giả âu lo. Tư duy thi ca của Lê Văn Nhân đầy tính thiên nhiên, những ẩn dụ của anh dường như xuất hiện qua sắc màu, đường nét, không gian, xạ ánh, âm thanh của thế giới tự nhiên. Chính ở đó lời thơ của anh bộc lộ hương vị đậm đà đặc biệt. Anh thể hiện đầy đủ sự quan tâm đến chi tiết và cái nhìn thi ca sắc bén trong những vần thơ về thiên nhiên. Trong trường hợp này chúng

полной мере проявляются в стихах о природе. Нельзя не вспомнить в этом случае замечательную /без преувеличения!/ картину летнего дня:

*День по-летнему горяч и светел,
За речушкою тропинка заросла,
Отгулялся тополиным пухом ветер
И сирень приветливая отцвела.*

Картина природного мира не фрагментарна. В отличие от разобщенного человеческого мира природа обладает цельностью, гармонией элементов и находится в постоянном движении, в жизненном изменении. Поэт старается передать это движение, тем самым помогая и своей душе не застыть от отчаяния:

*Накануне хлынул ливень грозовой,
Поднебесье и земля гудели;
Нынче под дождём умытою листвою
Солнечные струи зазвенели.*

Показанная в подробностях и движении природа обретает свой характер, свои живые чувства:

*Вишенки на ветках покраснели,
Словно не хотят сливаться с синевой.*

Но незаметно для поэта в восприятии природы вдруг дает о себе знать неотвратимое влияние технической цивилизации:

*Огненными лампочками вишня зажглась –
Вот и лето наступило.*

Что поделаться, поэт – сын своего века. Однако здесь будет уместно сказать об очевидном своеобразии поэзии Ле Ван Няна /хотя по отношению к его стихам вскоре подобные рассуждения станут,

ta không thể không nhớ (mà không hề cường điệu!) bức tranh mô tả ngày hè:

*Ngày đã sang hè – sáng tươi và nắng chói,
Bên dòng sông cỏ mọc lút bờ xa;
Gió không còn cùng cánh phồng chấp chới,
Đình hương bùng hoa thắm đón người qua...*

Bức tranh thiên nhiên không phải chỉ là trường đoạn. Khác với thế giới rời rạc của con người, thiên nhiên là một tổng thể, là sự hoà hợp các yếu tố, thiên nhiên luôn vận động, luôn mang hơi thở cuộc đời biến đổi. Nhà thơ cố gắng truyền đạt nét vận động đó, đồng thời giúp cho chính tâm hồn mình không nguội lạnh, thờ ơ:

*Vừa mới đêm qua ào ào mưa dội,
Cả gầm trời, cả mặt đất rền vang;
Mà sáng nay lá cây vừa tắm gội
Hứng tia trời đầy lấp lánh râm ran.*

Thiên nhiên qua những chi tiết và trong sự vận động vừa nêu đã có được tính cách của mình, những tình cảm sống động của mình.

*Quả anh đào trên cây giờ đỏ thắm
Như cố tình không quỵen lẫn màu xanh.*

Nhưng điều thật bất ngờ đối với nhà thơ trong cách cảm thụ thiên nhiên là cái ảnh hưởng không gì ngăn cản nổi của nền văn minh kỹ thuật:

*Anh đào thấp những bóng đèn rực lửa
Báo hiệu một điều – hè đã tới nơi.*

Làm thế nào được, nhà thơ cũng là đứa con của thời đại. Tuy nhiên, ở đây cũng đáng nói về tính độc đáo hiển nhiên trong thơ Lê Văn Nhân (mặc dù có lẽ rồi đây đối với thơ anh những lời bình tương tự sẽ là

видимо, общим местом/: природа в его поэтических опытах чаще не вьетнамская, а русская, как и сами стихи – не переводы с вьетнамского, а оригинальные сочинения на русском языке. Вьетнамский русист и “русский вьетнамец” Ле Ван Ня пишет на двух языках. Это уже само по себе необычно. Особенно необычен феномен этого поэта, если вспомнить, насколько принципиально несхожи и в равной степени сложны именно вьетнамский и русский языки. Какого колоссального упорства, каких знаний требует в этой ситуации от поэта его дело! А впрочем, здесь возможно и другое объяснение. Ле Ван Ня – исследователь, автор научных работ по русскому языку. Но ведь стихи не диссертация, не заставишь себя писать /при этом у Ле Ван Няна есть интересные, глубоко ироничные и самоироничные стихи о работе над диссертацией/. Ведь *«стихи не пишутся, они случаются»*, как сказал кто-то из поэтов.

Очевидно, в поэтическом двуязычии Ле Ван Няна проявляется некая высшая воля самого искусства. Чужой и очень трудный язык стал для поэта родным, поэт обрел новое видение мира. Не утратив между прочим, индивидуальности: возвращаясь к образам русской природы у Ле Ван Няна, заметим, что он и в этом своеобразен – ему ближе не традиционное лето или осень, а снежная русская зима – *«песенка белая мороза»*, *«первый легкокрылый снег»*, *«снежный океан»*. Такое разнообразие оттенков зимнего пейзажа надо еще поискать в нынешней собственно русской поэзии! При том,

chủ đề chung): thiên nhiên trong những thử nghiệm thi ca của anh không mang màu sắc Việt Nam, mà đã khoác áo Nga, cũng giống như chính thơ anh – không phải là những bản dịch từ tiếng Việt mà là những sáng tác nguyên bản tiếng Nga. Là một nhà Nga học Việt Nam, và lại là “người Việt Nam Nga hoá”, Lê Văn Nhân viết bằng cả hai thứ tiếng. Tự thân điều đó đã dị thường. Đặc biệt dị thường là hiện tượng nhà thơ này đây, nếu ta nhớ rằng chính tiếng Việt và tiếng Nga về nguyên tắc là hết sức khác nhau và cũng phức tạp không kém gì nhau. Công việc này của nhà thơ đòi hỏi không biết bao nhiêu nỗ lực, không biết bao nhiêu tri thức! Thế nhưng, ở đây cũng còn một cách lý giải khác. Lê Văn Nhân là nhà nghiên cứu, là tác giả của những công trình khoa học về tiếng Nga. Nhưng thơ đâu phải là luận án, không thể bắt mình viết được (Lê Văn Nhân đã có những vần thơ thú vị, đầy tính hài hước, tự trào về việc viết luận án của mình). Có một nhà thơ nào đó đã nói: *“Thơ không phải viết ra, cứ tự nhiên mà đến.”*

Rõ ràng là trong cái song ngữ thi ca của Lê Văn Nhân đã bộc lộ một thứ ý chí cao nhất của bản thân nghệ thuật. Một thứ tiếng xa lạ và rất khó lại trở nên thân thuộc đối với nhà thơ, nhà thơ đã có một cách nhìn thế giới mới lạ mà vẫn không mất đi nét cá biệt của mình. Trở lại với những hình tượng thiên nhiên Nga của Lê Văn Nhân, chúng ta thấy rằng chính ở đây anh vẫn là người độc đáo – cái gần gũi hơn với anh không phải là mùa hè hay mùa thu truyền thống, mà là mùa đông Nga tuyết phủ – *“bài ca màu trắng giá băng”*, *“bông tuyết đầu mùa cánh nhẹ”*, *“đại dương băng tuyết”*. Những nét đa dạng đó của khung cảnh mùa đông thì ngay trong chính

что в сознании поэта сопрягаются «белые зимы России» и «зелёные зимы Вьетнама», «сосновый край» и «бамбуковый край».

Нам, разумеется, трудно судить о вьетнамских стихах Ле Ван Няна, но его русская поэзия с точки зрения владения лексическими и образными ресурсами русского языка находится на достаточно высоком уровне.

Характерной чертой поэтического языка Ле Ван Няна является смелое сознание им русских поэтических окказионализмов. Таких в его поэзии очень много; есть и не очень удачные – *взглядосвод*, *гриболюбы*, но много интересных, необычных поэтических номинаций, свидетельствующих о своеобразии поэтического и чисто лингвистического мышления поэта: *лучезарит лето*, *годы нетревог*, *белозимняя красота*, *мяжкокрылый снег*, *рассвет лучисто-веерообразный*, *нерво-окаменение*, *деннонощный поиск*, *забу-маженная лира* и др.

Любопытны используемые поэтом необычные словесные сближения, которые открываются ему в русском языке /но при этом очевидны далеко не для каждого русского/. Так, он сближает и обыгрывает слова *победа*, *беда*, *еда* и *да*; *Воронеж*, *ворон* и *ёж*; *сквер* и *сквернословие* и др. Такие сближения придают особый неповторимый колорит его язык.

thơ Nga ngày nay cũng còn phải đi tìm hoài hơi! Tuy nhiên, trong nhận thức của nhà thơ vẫn gắn bó với nhau “*những mùa đông trắng của Nga*” và “*những mùa đông xanh của Việt Nam*”, vẫn gắn bó “*xứ sở thông ngàn*” với “*quê hương tre trúc*”.

Hẳn là chúng ta khó có thể đánh giá thơ tiếng Việt của Lê Văn Nhân, nhưng từ góc độ nắm vững các phương tiện từ ngữ và hình tượng thì thơ Nga của anh đã đạt tới đỉnh khá cao rồi.

Nét đặc biệt trong ngôn ngữ thi ca của Lê Văn Nhân là việc mạnh dạn xây dựng những tân từ định danh cho thơ Nga. Những tân từ như thế trong thơ anh rất nhiều, cũng có cả những tân từ chưa đạt lắm như “*vòm nhãn quan*”, “*người yêu nắm*”, nhưng anh có nhiều cách định danh thú vị, độc đáo và rất thơ, khẳng định cho tư duy thi ca và thuần ngôn ngữ độc đáo của nhà thơ: “*mùa hè bùng sáng*”, “*những năm tháng không báo động*”, “*vẻ đẹp mùa đông trắng lạnh*”, “*tuyết cánh mềm*”, “*bình minh xòe nan quạt*”, “*thần kinh hóa thạch*”, “*việc tìm kiếm ngày đêm*”, “*nàng thơ lên trang giấy*” v.v...¹

Đáng phải tò mò theo dõi là những từ gần nhau lạ thường do tác giả sử dụng những từ này có trong tiếng Nga và anh tìm được (nhưng không phải người Nga nào cũng thấy). Chẳng hạn, anh đã xếp được cạnh nhau làm thú chơi những từ như – *pôbeda* (chiến thắng), *beda* (tai họa), *eda* (thức ăn) và *da* (phải)², *Vôrônez* (tên thành phố) – *vôrôn* (con quạ), *ez* (con nhím)³, *xkver* (vườn hoa nhỏ) và *xkvernoxlovie* (lời nói

¹ Mỗi từ mới này là một lối chơi chữ, khó hoặc không thể dịch được - ND

² Những từ cứ nhỏ dần lại từ trái sang phải mà vẫn có nghĩa - ND

³ Từ lớn bằng hai từ con có nghĩa cộng lại - ND

Русские реалии становятся у Ле Ван Няна важным изобразительным средством – он использует в своей образной системе такие характерные приметы России как *зима, сосны, ромашки, поля, снег, ёлка, Снегурочка* и др. В его поэтической системе встречаются метафоры чисто русского происхождения – «*бегут, как вёрсты столбовые*», «*время мы несём на коромысле*» и др.

Владеющий тайнами русского языка, Ле Ван Нян пристально напряженно размышляет о смысле поэтического ремесла – «*ведь каждый стих – души... частица*». Он мучается из-за несовершенства написанных им строк /а такие у него, несомненно, есть/, он рассказывает о трудностях работы со словом. В стихотворении «**К неизвестному критику**» Ле Ван Нян призывает относиться к его русской поэзии без всякой скидки:

*Послушайте, маститый критик,
Не надо мерки мне совсем иной:
В стихах, как в жизни, не желаю
скидок –
Как с русскими, суровы будьте и со мной!*

Но он понимает главное – в поэзии нужны «*чувства горячие*», «*честный ум*», «*призвание*», моральные ориентиры. Они определены для него жизнью, людьми двух народов, сыном которых считает себя поэт.

Отметим и определенную афористичность поэзии Ле Ван Няна, что

tục)⁴. Những cách xếp chữ như vậy tạo cho ngôn ngữ của anh một bản sắc riêng.

Đối với Lê Văn Nhân, những từ chỉ thực tại Nga là phương tiện tạo hình quan trọng – trong hệ thống hình tượng của mình anh đã sử dụng những dấu ấn riêng của nước Nga như *mùa đông, cây thông, hoa cúc, cánh đồng, tuyết, cây phong, Công chúa Tuyết* v.v... Trong hệ thống thơ anh ta bắt gặp những ẩn dụ có xuất xứ thuần Nga như “*chạy như những cột số dặm đường*”, “*thời gian chúng ta quẩy bằng đòn khiêng*”.

Nắm được những bí ẩn của từ Nga, Lê Văn Nhân đã suy nghĩ chuyên tâm và căng thẳng về ý nghĩa nghề thơ “*mỗi câu thơ – một mảnh... tâm hồn*”. Anh bị dẫn vật bởi những dòng thơ viết chưa hoàn chỉnh (mà tất nhiên, trong thơ anh thế nào cũng có), anh kể chuyện những khó khăn khi vật lộn với ngôn từ. Trong bài thơ “**Gửi nhà phê bình chưa biết tên**” Lê Văn Nhân kêu gọi chớ có nương nhẹ với thơ anh:

*Xin hãy nghe tôi, hồi nhà phê bình có sừng có mỏ,
Đừng dành cho tôi loại thước đo khác người –
Cũng như trong đời, tôi chẳng muốn thơ mình hạ
giá,
Như với người Nga, hãy nghiêm khắc
cùng tôi!*

Nhưng anh hiểu điều chủ yếu là trong thơ cần có “*tình cảm nồng ấm*”, “*khối óc trung thực*”, “*sở nguyện*” – những mốc định hướng cho đạo lý. Đối với anh, những định hướng này được xác định bởi chính cuộc đời, chính nhân dân hai nước, mà nhà thơ tự coi mình là con của cả hai bên.

Xin nói thêm về tính châm ngôn trong thơ Lê Văn Nhân, nó làm thơ Nga của anh có

⁴ Lợi dụng đồng âm: xkver (vườn hoa nhỏ) – xkvernyj (thô tục)

придает его русским стихам особую изысканность, необычный восточный колорит. Отметим в связи со сказанным такие, к примеру, строки, как:

*Жизнь не измеряется в годах,
Прожитых от самого начала
До конца судьбы, а в тех делах,
Совершённых нами до финала*

либо такие:

*Не может дождь стихи рождать,
Но в дождь рождаются стихи.*

Россия действительно стала для Ле Ван Няна второй родиной. Поэтому он пишет о России с любовью и тревогой. Его душе легко здесь, в России: здесь поэт среди друзей, в своей юности, здесь его мечты, серьезные занятия наукой. Но его сердце трагически чувствует боль и горе России. Он вместе с нами переживает наши невзгоды. Ле Ван Няна бывает резким и жестким в своих оценках. Но он очень точен в понимании причин русских бед и побед, в понимании высокого смысла народной правды и нелепости социальных обстоятельств:

В народе вовсе не было застоя!

.....

*Народ не застывал,
В истории не делал остановки,
Руками и умом своим неробким
Он чудеса творил и в трудностях не
унывал,
А вот медали как-то брал неловко.*

Ko многим явлениям русской жизни поэт относится с добродушной иронией, добрым юмором. Таковы его

sắc thái tinh tế đặc biệt và hết sức phương Đông, chẳng hạn những câu:

*Đời không phải đo bằng năm, bằng tháng
Ta đã đi qua từ lúc lọt lòng
Cho đến ngày cuối – mà bằng công trạng
Ta đã hoàn thành tới lúc lâm chung.*

hoặc là:

*Trời mưa không sinh ra thơ được
Nhưng trong mưa thơ cứ thế ra đời.*

Đối với Lê Văn Nhân – nước Nga quả là quê hương thứ hai. Vì thế anh viết về nước Nga đầy lòng yêu thương và xúc động. Ở nước Nga, anh thấy tâm hồn nhẹ nhõm: tại đây sống giữa bạn bè, với tuổi xuân của mình, nhà thơ có những ước mơ, có những ngày chuyên tâm khoa học. Nhưng trái tim anh cũng đau đớn cảm thông với nỗi đau, nỗi khổ nước Nga. Anh cùng chia sẻ với chúng ta những thời vận rủi. Lê Văn Nhân là người gay gắt và nặng nề trong đánh giá. Nhưng anh rất chính xác trong cách hiểu nguyên nhân những tai họa và chiến công của nước Nga, trong cách hiểu ý nghĩa cao cả của chân lý nhân dân và cái trớ trêu của hoàn cảnh xã hội:

Trong nhân dân chẳng có trì trệ bao giờ!

.....

*Nhân dân không trì trệ
Trong lịch sử họ chưa bao giờ dừng nghỉ,
Với bàn tay và khối óc kiên cường
Làm nên kỳ tích, khó nhọc chẳng kêu van,
Nhưng khi nhận huy chương thì bối rối.*

Với nhiều hiện tượng trong đời sống Nga nhà thơ có thái độ châm biếm, hài hước, nhưng thật tốt bụng. Đó là những câu thơ

стихи о защите кандидатской диссертации, строки о полете в Россию:

*Часов шестнадцать, кажется, полёта
С суровой девой из Аэрофлота...*

ирония над просторечным русским словоупотреблением:

*... В лес не берут с собой «ножов»,
юмористическое описание русского дефицита:
Мы пойдём в один из кабаков
И закажем рыбные... пельмени
Заодно – икру... из кабачков,
А на третье – кофеёк... ячменный!*

Добрый юмором и тонкой наблюдательностью отмечено стихотворение «Санёк», где поэт искренне любит русским малышом, которого он с любовью называет Санёк-Краснощёк.

Среди самых проникновенных стихов Ле Ван Няна о России и ее народе – «Катюша». Голос поэта подает в резонанс – и ритмический, и душевный – с легендарной русской песней. С ней связаны у поэта многие минуты и годы его жизни:

*Песенку про девушку Катюшу,
Ждавшую бойца, что воевал,
В детстве я не раз в траншее слушал,
А потом в России напевал.*

В России он понял, что это не просто песня, но сама жизнь, сама судьба народа:

*Видел я Катюш, доныне ждущих
Тех, кто не вернулся с той войны.*

về bảo vệ luận án tiến sĩ, về chuyến bay sang Nga:

*Mười sáu tiếng đồng hồ trên một chuyến bay
Với cô nàng đăm đăm của hãng A-e-rô-
phô-lôt.*

đó là cái hài hước với lối dùng từ dân già kiêu Nga:

*... Đi vào rừng người ta quên mang „rao”;
đó là cách mô tả bông đùa nặn thiếu hàng hóa ở Nga:
Chúng mình rẽ vào một quán ăn
Gọi món vằn thắn... nhân cá,
Thêm món trứng cá làm bằng... bí quả,
Món thứ ba – cà phê đại mạch trăm phần!*

Cách bông đùa tốt bụng và cách quan sát tinh tế thể hiện trong bài “Xaniôk”, trong đó nhà thơ thực lòng quan sát một chú bé Nga mà nhà thơ âu yếm gọi là “Xaniôk-Má hồng”.

Trong số những bài thơ xúc động nhất của Lê Văn Nhân về nước Nga và nhân dân Nga có bài “Kachiusa”. Tiếng nói của nhà thơ lắng xuống – vừa nhịp nhàng, vừa tâm sự – rất đồng điệu với bài hát Nga huyền thoại. Bài hát đã gắn bó biết bao giờ phút và năm tháng với nhà thơ:

*Bài hát về nàng Kachiusa
Đợi người chiến đấu tận trời xa
Thuở bé tôi ngồi hầm nghe mãi,
Rồi mình lại hát ở nước Nga.*

Ở nước Nga, anh hiểu rằng đó không chỉ là bài hát, mà chính cuộc sống, là chính số phận của nhân dân:

*Nhiều Kachiusa nay vẫn đợi
Người đi biệt chiến trường kia.*



Войны и невзгоды не оставили страну и русскую женщину. С подлинным состраданием сына и Вьетнама, и России Ле Ван Нянь пишет об этом:

*В мирной жизни русские Катюши
Как и прежде, провожают вновь
На войну парней отважных, лучших,
Проливать не за Россию кровь.*

.....
*Снова всюду яблони и груши
Расцветают, радуясь весне,
И выходят на берег Катюши
В ожидании тех, кто на войне.*

Надежная и верная память у поэта. Его юность – это воронежские годы. Чувство искренней преданности нашему старинному русскому городу, признательность Воронежскому университету выражены во многих стихотворениях Ле Ван Няня. Воронежский читатель слышит родные названия – Черноземье, Петровский сквер, ВГУ, Кольцовский сквер... Читатель идет по городу вместе с поэтом; он благодарен поэту и верит постоянной его мечте вернуться в Воронеж, «домой», верит его слову – «**Не прощаюсь!**».

В стихотворении о своем вьетнамском имени Ле Ван Нянь признается:

*У реки Зелёной в солнечном Вьетнаме
В хижине крестьянской появился я на свет.
Шла война...*

*И выбрала с любовью мама
Мне простое имя Нянь, что значит «Человек».*

Всею своею судьбой, своими стихами поэт доказал верность своему имени. Он – Человек, своеобразная, глубокая,

Чiến tranh và vận rủi vẫn chưa từ bỏ nước Nga và người phụ nữ Nga. Với nỗi niềm thương cảm của người con cả Việt cả Nga, Lê Văn Nhân đã viết:

*Vẫn thế những nàng Kachiusa
Thời bình còn phải tiễn đi xa
Bao chàng dừng cảm ngoạn cường nhất,
Đổ máu đâu vì đất nước Nga.*

.....
*Đào lại ra hoa, gió xôn xang
Chào đón xuân sang, mặc những nàng
Kachiusa lại ra sông ngóng
Người đi chiến đấu chưa về thăm.*

Nhà thơ có một trí nhớ chính xác và đáng tin cậy – tuổi trẻ của anh là những năm tháng Vôrônez. Tình cảm trung thành thật sự đối với thành phố Nga cổ kính của chúng ta, lòng biết ơn Trường Đại học Tổng hợp Vôrônez đã được thể hiện trong nhiều bài thơ của Lê Văn Nhân. Bạn đọc Vôrônez được nghe vang lên những tên gọi thân thương “Vùng đất đen”, “Vườn hoa Piôt”, “Trường Tổng hợp Vôrônez”, “Công viên Côlxốp”... Độc giả được đi dạo chơi trong thành phố cùng với nhà thơ, độc giả cảm ơn nhà thơ và tin tưởng vào ước mơ thường gặp của nhà thơ là được trở lại Vôrônez, “về nhà”, tin vào lời nói của nhà thơ: “*Tôi không từ biệt*”.

Trong bài thơ về cái tên tiếng Việt của mình, Lê Văn Nhân thổ lộ:

*Trên bờ sông Lam, nơi Việt Nam nắng rát,
Dưới mái lều tranh tôi đã ra đời.
Vẫn chiến tranh...*

*Mẹ tôi yêu và đặt
Cho cái tên “Nhân”, có nghĩa là „Người”.*

Bằng cả đời mình, bằng những vần thơ của mình nhà thơ đã chứng minh lòng trung thành với cái tên đó. Anh là “Con Người”

незаурядная личность. Как и он со своими русскими читателями, так и мы не прощаемся с Ле Ван Няном. Ждем его в России, в Воронеже, в университете. Ждем его новых стихов. Не прощаемся!

– một nhân cách độc đáo, sâu sắc, riêng biệt. Cũng như anh đã nói với các độc giả Nga, chúng tôi cũng xin nói với Lê Văn Nhân rằng chúng tôi không chia tay. Chúng tôi chờ anh trên đất Nga, ở Vôrônez, trong trường Tổng hợp. Chúng tôi chờ những vần thơ mới của anh. Xin chào không từ biệt!

LÊ ĐỨC MÃN dịch

